

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Dự án theo dõi diễn biến rừng và đất
lâm nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 – 2020.**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về
thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ
về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Căn cứ Chi thị số 32/2000/CT-BNN-TCCB ngày 27/3/2000 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về tổ chức theo dõi diễn biến rừng và đất lâm
nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 102/2000/TT-BNN-KL ngày 02/10/2000 của Bộ
Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn lập dự toán cho các dự án theo dõi diễn
biến rừng và đất lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 78/2002/QĐ-BNN-TCCB ngày 28/8/2002 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy phạm theo dõi diễn biến
rừng và đất lâm nghiệp trong lực lượng Kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày 01/9/2010 của Chủ tịch
UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Phương án theo dõi diễn biến rừng và đất
lâm nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 13/7/2015 của Chủ tịch
UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chủ trương lập Dự án theo dõi diễn
biến rừng và đất lâm nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số
2674/TTr-SKHĐT ngày 20/8/2015 và của Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa tại Tờ
trình số 24/TTr-CCKL ngày 20/7/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp tỉnh
Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020, với nội dung chính như sau:

1. Tên Dự án: Theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020.

2. Chủ đầu tư: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục tiêu đầu tư: Nhằm vững sự biến động về diện tích các loại rừng, đất lâm nghiệp hiện có trên thực địa và bản đồ, cập nhật kịp thời sự biến động về diện tích các loại rừng, các loại đất quy hoạch cho lâm nghiệp và các loại đất rừng ngoài quy hoạch cho lâm nghiệp theo địa giới hành chính của từng địa phương, đơn vị, phục vụ công tác hoạch định chính sách lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để đo đạc biên động ngoài thực tế, giúp chính quyền các cấp thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp.

4. Các nội dung của Dự án

4.1. Tổ chức theo dõi, cập nhật các biến động về rừng và đất lâm nghiệp

Theo dõi, cập nhật các thay đổi về rừng và đất lâm nghiệp theo các nguyên nhân, chủ quản lý, chức năng của rừng theo quy định tại Quyết định số 78/2002/QĐ-BNN ngày 28/8/2002 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4.2. Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ kỹ thuật cho cán bộ Kiểm lâm

Đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu công việc cho từng đối tượng cụ thể, trong đó:

- Kiểm lâm viên địa bàn, cán bộ Kiểm lâm, cán bộ địa chính: Tập huấn nghiệp vụ kỹ thuật theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp ngoài thực địa, cập nhật lên bản đồ, phiếu biểu; tập huấn sử dụng các trang thiết bị, công cụ hỗ trợ trong điều tra.

- Lãnh đạo phụ trách kỹ thuật các Hạt Kiểm lâm huyện, cán bộ tổng hợp, tổ công tác thường trực giúp việc: Tập huấn nghiệp vụ cập nhật thay đổi về rừng và đất lâm nghiệp; khai thác, sử dụng các phần mềm, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp.

4.3. Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin cần thiết phục vụ theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp

- Đồng nhất phần mềm quản lý dữ liệu điều tra, kiểm kê rừng và phạm mềm theo dõi diễn biến rừng.

- Mua máy tính để bàn cho các đơn vị phục vụ theo dõi diễn biến rừng.

- Máy định vị toàn cầu (GPS) trang bị cho các đơn vị phục vụ đo đạc, cập nhật ngoài thực địa.

- Mua và xử lý cảnh bản đồ đã xử lý nấn chỉnh hình học, quang phổ và đưa về hệ tọa độ sử dụng.

5. Địa điểm và phạm vi thực hiện: Toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

| | |
|--|---------------------------|
| 6. Tổng kinh phí thực hiện Dự án: | 13.557 triệu đồng. |
| Trong đó: | |
| - Chi phí thực hiện Dự án: | 11.568 triệu đồng. |
| - Chi phí khác: | 1.343,3 triệu đồng. |
| - Chi phí dự phòng: | 645,7 triệu đồng. |

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).

7. Nguồn kinh phí: Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế hàng năm của ngân sách tỉnh.

8. Hình thức quản lý Dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý Dự án.

9. Thời gian thực hiện Dự án: 05 năm (2016 - 2020).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Dự án, gồm đại diện các ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính, Cục Thống kê, Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Lâm nghiệp; duy trì và ổn định Tổ công tác thường trực để giúp Ban chỉ đạo quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp.

- Giao Chi cục trưởng Kiểm lâm (chủ đầu tư), chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về tổ chức, chỉ đạo thực hiện Dự án và quản lý, sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư. Phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp có liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm, trình UBND tỉnh phê duyệt; thực hiện nghiêm các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư. Hàng năm tổng kết rút kinh nghiệm và tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh công bố hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Cục trưởng Cục Thống kê, Chi cục trưởng Chi cục Lâm Nghiệp, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cá nhân đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
 - VP Chính Phủ (để b/c);
 - Bộ NN&PTNT (để b/c);
 - Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, NN.
- (L85)



Nguyễn Đức Quyền



BIỂU CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020
(Kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Hạng mục công việc | Tổng mức đầu tư |
|------------|--|-----------------|
| | TỔNG SỐ | 13.557 |
| A | CHI PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN | 11.568 |
| I | Tổ chức điều tra, khảo sát biến động diện tích rừng và đất lâm nghiệp, thành phần quản lý theo 3 loại rừng ngoài thực địa, cập nhật vào cơ sở dữ liệu | 6.900 |
| II | Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ | 560 |
| 1 | Tập huấn nghiệp vụ kỹ thuật cấp xã | 245 |
| 2 | Tập huấn nghiệp vụ kỹ thuật cấp tỉnh | 315 |
| III | Đầu tư thiết bị kỹ thuật | 4.108 |
| 1 | Máy vi tính bàn | 1.056 |
| 2 | Mua Thiết bị GPS cấp cho các đơn vị | 612 |
| 3 | Nâng cấp phần mềm và đồng nhất phần mềm quản lý dữ liệu điều tra, kiểm kê rừng với phần mềm theo dõi diễn biến rừng | 1.180 |
| 4 | Mua và xử lý cảnh bản đồ đã xử lý nấn chỉnh hình học, quang phổ và đưa về hệ tọa độ sử dụng | 1.260 |
| B | CHI PHÍ KHÁC | 1.343 |
| 1 | Nội dung dự toán chi hoạt động của BQL Dự án hàng năm | 1.265 |
| - | Chi lương cho lao động hợp đồng Tổ công tác giúp việc cho BCĐ tỉnh | 455 |
| - | Các khoản phụ cấp lương cho Ban quản lý dự án | 510 |
| - | Thanh toán dịch vụ (tiền điện, xăng xe đi kiểm tra...) | 150 |
| - | Chi hội nghị sơ, tổng kết hội nghị | 50 |
| - | Chi phí khác | 100 |
| 2 | Lập Dự án | 76 |
| 3 | Thẩm định dự án | 3 |
| C | CHI PHÍ DỰ PHÒNG = 5%*(A+B) | 646 |